

Bản án số: **65/2018/HNST**
Ngày: 06 – 9 -2018
Về việc tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Minh;

Ông Đặng Hoàng Mích.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Phạm Long Hồ – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2018/TLST – HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 78/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Võ Thị Minh C, sinh năm 1980. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Phạm Công K, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 23/01/2018, bản tự khai ngày 04/5/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Võ Thị Minh C trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Công K quen biết nhau, tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện cưới nhau vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Bến Tre vào năm 2003. Quá trình chung sống đến

tháng 10 năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K buông bỏ việc gia đình, thiếu trách nhiệm với gia đình vợ con, chỉ ăn chơi, cờ bạc, gây nợ nần, chị đã khắc phục hậu quả cho anh K bằng tất cả tài sản tiền bạc mà chị có thể. Nhưng chứng nào tật nấy không bỏ được nên vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 12 năm 2012 cho đến nay, hiện tại chị ra ngoài thuê nhà ở. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Công K.

- Về con chung: có 02 con chung tên Phạm Võ Phúc H, sinh ngày 31/10/2004; Phạm Châu N, sinh ngày 22/10/2012. Hiện tại con chung đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu nuôi 02 con và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

* Đối với anh Phạm Công K là bị đơn, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh đều vắng mặt, mặc dù anh vẫn còn sinh sống tại địa phương, nên không thu thập được lời khai của anh.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về nội dung giải quyết vụ án:

- Về thủ tục giải quyết vụ án: Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định.

- Về thu thập chứng cứ: Theo đúng trình tự quy định của pháp luật.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành tốt theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, có thực hiện theo nội quy phiên Tòa. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa là không thực hiện theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: xét thấy vợ chồng chị C và anh K đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh K cờ bạc không lo cho gia đình, hơn nữa anh và chị đã có thời gian dài ly thân từ tháng 12/2012 cho đến nay mà không hàn gắn lại được, anh K lại vắng mặt không đến Tòa để giải quyết ly hôn với chị C, xem như anh đã bỏ mặc cuộc hôn nhân này, nên chị C yêu cầu ly hôn là có căn cứ.

+ Về con chung: có 02 con chung tên Phạm Võ Phúc H, sinh ngày 31/10/2004; Phạm Châu N, sinh ngày 22/10/2012. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi 02 con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Phạm Võ Phúc H đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng sống với mẹ, nên chị C có yêu cầu nuôi con cũng là phù hợp với quy định pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện chị C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

* Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C đối với anh K. Chị C được ly hôn với anh K.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị C. Giao con chung tên Phạm Võ Phúc H, sinh ngày 31/10/2004; Phạm Châu N, sinh ngày 22/10/2012 cho chị C nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc chị C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Công K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng anh vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Minh C và anh Phạm Công K cưới nhau vào năm 2003 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Bến Tre theo đúng quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh K được công nhận là hợp pháp.

[3]. Nay chị C yêu cầu ly hôn với anh K, do anh K vắng mặt nên không có lời khai. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trong đó có biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của vợ chồng chị C, cũng như lời khai của chị C đều xác định được cuộc sống vợ chồng của anh chị đã không còn hạnh phúc, anh K ăn nhạt, cờ bạc, buông bỏ việc gia đình, thiếu

trách nhiệm với gia đình vợ con, không quan tâm đời sống vợ chồng, chị C đã nhiều lần khuyên can nhưng không được, hiện tại anh và chị đã ly thân nhau từ tháng 12 năm 2012 cho đến nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai, giữa chị C và anh K đã không còn quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Hơn nữa, Tòa án đã tiến hành mời chị C và anh K để hoà giải, nhằm cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh K vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh K đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân của chị C và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị C là có cơ sở và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh K.

[4] *Về con chung*: Quá trình chung sống chị C và anh K có 02 con chung tên Phạm Võ Phúc H, sinh ngày 31/10/2004; Phạm Châu N, sinh ngày 22/10/2012. Hiện con chung đang sống chung với chị C, khi ly hôn chị C yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

[5]. *Hội đồng xét xử xét thấy*: Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu H và cháu N, xét thấy từ trước đến nay cả 02 cháu đều sống với chị C, việc chị C nuôi con chung vẫn phát triển bình thường, hiện chị làm Giáo viên dạy học có công việc và thu nhập ổn định. Đối với cháu H tại thời điểm giải quyết ly hôn giữa chị C và anh K, thì cháu đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng sống với chị C. Nên để nhằm ổn định về tinh thần của con chung anh và chị, cần để cháu H và cháu N cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu H và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị C.

[6]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị C nuôi con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận và không xét đến.

[7]. *Về tài sản chung*: Chị C khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[8]. *Về nợ chung*: Chị C khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[9]. *Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện D về quan điểm giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở; và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*:

[10]. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[11]. Chị Võ Thị Minh C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Minh C đối với anh Phạm Công K.

Cho ly hôn giữa chị Võ Thị Minh C và anh Phạm Công K.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị Minh C và anh Phạm Công K chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Phạm Võ Phúc H, sinh ngày 31/10/2004; Phạm Châu N, sinh ngày 22/10/2012 cho chị Võ Thị Minh C trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện chị C nuôi con chung không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Anh K không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị C trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 119 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị C khai không có, nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Chị C khai không có, nên không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Võ Thị Minh C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014949 ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bến Tre. Như vậy, chị Võ Thị Minh C đã nộp đủ án phí.

Chị Võ Thị Minh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Phạm Công K vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên